

Số: 1769/QĐ-SYT

Bình Phước, ngày 02 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng điểm kiểm tra hoạt động Y tế Dự phòng và Dân số Kế hoạch hóa gia đình Trung tâm Y tế các huyện/ thị năm 2018

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 26/04/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 6326/QĐ-BYT ngày 24/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bảng kiểm tra Y tế dự phòng năm 2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành “Bảng điểm kiểm tra hoạt động Y tế dự phòng và Dân số KHHGD Trung tâm Y tế các huyện/ thị xã năm 2018 ” (có bảng điểm chi tiết gửi kèm).

Điều 2: Giao cho phòng Nghiệp vụ Y phối hợp với các phòng chức năng Sở Y tế, Các đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả kiểm tra đánh giá hoạt động của các đơn vị theo bảng điểm.

Điều 3: Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện/ thị, thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. / *κ*

Nơi nhận:

- Cục Y tế Dự phòng;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các Đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh;
- Các phòng chức năng Sở Y tế;
- Website: sytbinhphuoc.com.vn;
- Lưu VT, NVY (Cúc 02.11).



Nguyễn Đông Thông

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

**BẢNG KIỂM TRA
CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG SỬ DỤNG CHO
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN/ THỊ XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1769/QĐ-SYT, ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)



Tên đơn vị.....

Địa chỉ (đường phố, xã, phường, thị trấn)

Quận/huyện.....

Tỉnh/thành phố.....

Ngày tháng năm 201....

Giám đốc đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ:

1. Tên đơn vị:.....

2. Họ và tên giám đốc đơn vị:.....

Số điện thoại..... di động.....E mail...

3. Địa chỉ của đơn vị (đường phố xã phường thị trấn).....

Quận/huyện/thị xã.....

Tỉnh/thành phố.....

4. Thuộc vùng (*khoanh tròn vào một trong các vùng được liệt kê dưới đây*)

1. Vùng đồng bằng sông hồng

5. Vùng duyên hải miền Trung

2. Vùng Tây Bắc

6. Tây Nguyên

3. Vùng Đông Bắc

7. Đông Nam bộ

4. Vùng Bắc Trung bộ

8. Đồng bằng sông Cửu long

5. Hạng đơn vị (*chọn 1 trong 5*):

1. Hạng I

4. Hạng IV

2. Hạng II

5. Chưa phân
hạng

3. Hạng III

6. Tổng số xã/phường/thị trấn thuộc tỉnh/TP

7. Dân số thuộc tỉnh/TP

8. Diện tích tự nhiên thuộc tỉnh/TP

9. Đơn vị thực hiện tự chủ/không tự chủ/tự chủ một phần

.....

.....

.....

.....

II. THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC CỦA ĐƠN VỊ (mỗi cán bộ chỉ ghi nhận ở học hàm, học vị cao nhất)

Phân loại cán bộ - công chức	Biên chế (BC)	Hợp đồng (HĐ)	Tổng số
<p>a) Cán bộ Y: Cán bộ chuyên môn (CBCM)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo sư - Phó giáo sư - Tiến sĩ (TSKH) - Thạc sĩ - Chuyên khoa II - Chuyên khoa I - Bác sĩ (bao gồm cả sau đại học) - Y sĩ - Điều dưỡng các loại 			
<p>b) Cán bộ Dược (CBCM)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo sư - Phó giáo sư - Tiến sĩ - Thạc sĩ - Chuyên khoa II - Chuyên khoa I - Dược sĩ đại học (bao gồm cả sau đại học) - Dược sĩ trung học - Dược sơ học 			
<p>c) Cán bộ Y tế cộng đồng (CBCM)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo sư - Phó giáo sư - Tiến sĩ 			

- Thạc sĩ - Cử nhân (bao gồm cả sau đại học) - Cao đẳng			
d) Cử nhân, kỹ sư sinh học (CBCM) - Giáo sư - Phó giáo sư - Tiến sĩ - Thạc sĩ - Cử nhân (bao gồm cả sau đại học) - Cao đẳng			
đ) Cán bộ ngành khác - Giáo sư - Phó giáo sư - Tiến sĩ - Thạc sĩ - Cử nhân (bao gồm cả sau đại học) - Cao đẳng - Trung học - Sơ học			
e) Kỹ thuật viên các loại (CBCM) - Thạc sĩ - Cử nhân - Cao đẳng - Trung học - Sơ học			
Cộng:			

III. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH *(Đơn vị tính 1000 đ)

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016
----------	----------	----------

1. Tổng các khoản thu (kể cả ngân sách xây dựng cơ bản)		
<i>Trong đó ($1 = 1a + 1b + 1c + 1d + 1đ + 1e$)</i>		
1a. Ngân sách Nhà nước cấp cho xây dựng cơ bản		
1b. Ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp		
1c. Các nguồn thu từ phí, lệ phí, dịch vụ		
1d. Ngân sách Nhà nước cấp từ chương trình mục tiêu quốc gia		
1đ. Ngân sách Nhà nước cấp từ các dự án viện trợ (Trung ương)		
2. Tổng số các khoản chi		
<i>Trong đó</i>		
2a. Chi cho nhân lực: (Gồm các mục: 100,101,102,104 trong mục lục ngân sách) hoặc (gồm các mục mới 6000, 6050, 6100, 6200, 6300, 6400)		
2b. Chi cho hành chính		
2c. Chi cho nghiệp vụ chuyên môn (mục cũ 119 hoặc mục mới 6650, 7000)		
2d. Chi cho xây dựng cơ bản		
2e. Chi cho mua sắm trang thiết bị		
2g. Chi cho duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng		
2h. Chi cho duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị		
2i. Chi khác (ghi cụ thể)		

NỘI DUNG KIỂM TRA

PHẦN A. QUẢN LÝ ĐƠN VỊ: 15 ĐIỂM

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Công tác quản lý cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị:		05		
1.1	Đề án vị trí việc làm <i>(Kiểm tra Đề án vị trí việc làm đã trình đơn vị cấp trên)</i>	Phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và nhu cầu thực tế của đơn vị và đã trình đơn vị cấp trên phê duyệt	1		
		Không thực hiện	0		
1.2	Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các khoa, phòng thuộc Trung tâm <i>(Kiểm tra chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trung tâm)</i>	Đúng quy định theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1		
		Không theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không có	0		
1.3	Công tác quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động <i>(Quy định về công tác tuyển dụng; đào tạo, bồi dưỡng; Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt; kế hoạch bổ nhiệm...; Các văn bản đã triển khai liên quan đến quy trình tuyển dụng, đào tạo,</i>	Có xây dựng quy chế và thực hiện đầy đủ	1		
		Có xây dựng quy chế nhưng không thực hiện đầy đủ hoặc không có quy chế	0		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
	<i>bồi dưỡng, bổ nhiệm)</i>				
1.4	Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý (<i>Kiểm tra kế hoạch, biên bản, sổ sách lưu về việc kiểm tra, đánh giá công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Luật công chức, Luật viên chức</i>)	Có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của viên chức, người lao động hàng năm và thực hiện đầy đủ	1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,5		
		Không thực hiện	0		
1.5	Đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm. (<i>Kiểm tra biên bản họp xét đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.</i>)	Thực hiện đầy đủ theo các quy định hiện hành	1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,5		
		Không thực hiện	0		
2	Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động		1		
2.1	Thực hiện các quyền của công chức, viên chức, người lao động (<i>Kiểm tra hồ sơ, sổ sách lưu, lấy ý kiến trực tiếp 10 cán bộ của đơn vị "ngẫu nhiên"</i>)	Thực hiện đầy đủ các quyền về hoạt động nghề nghiệp; tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương, tiền thưởng; chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép; khen thưởng và các chế độ khác theo quy định của pháp luật	1		
		Thực hiện không đầy đủ các quyền của viên chức	0,5		
		Không thực hiện	0		
3	Thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị		2		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
3.1	Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm (Kiểm tra sổ sách ghi chép, biên bản Hội nghị)	Tổ chức Hội nghị theo quy định, có nghị quyết Hội nghị và thực hiện theo nghị quyết.	0,5		
		Tổ chức Hội nghị không theo quy định.	0,25		
		Không thực hiện	0		
3.2	Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị (Kiểm tra trực tiếp nội dung và hình thức thông báo đến cán bộ, viên chức của đơn vị)	Có nội quy, quy chế cơ quan được niêm yết công khai tại cơ quan	0,5		
		Có xây dựng nội quy, quy chế nhưng không niêm yết tại cơ quan	0,25		
		Không thực hiện	0		
3.3	Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan. (Kiểm tra trực tiếp trên hồ sơ, sổ sách, văn bản của đơn vị)	Được thông báo, phổ biến đến các khoa, phòng và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ	0,5		
		Được thông báo, phổ biến đến các khoa, phòng nhưng không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
4	Công tác kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo		1		
4.1	Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch của đơn vị (Kiểm tra Bản kế hoạch năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kế hoạch quý, tháng và kết quả thực hiện)	Xây dựng kế hoạch khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện đầy đủ đảm bảo tiến độ.	0,55		
		Thực hiện đầy đủ nhưng chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.	0,25		
		Thực hiện không theo kế hoạch	0		
4.2	Công tác báo cáo (Kiểm tra báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng và cả năm; báo cáo đột xuất của đơn vị "nếu có").	Thực hiện đầy đủ	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
5	Công tác quản lý kinh phí, vật tư, hóa chất, thuốc, trang thiết bị, phương tiện.		1,5		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
5.1	Quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị (Kiểm tra văn bản quy định về sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, danh mục và sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị, lý lịch máy, kế hoạch hiệu chuẩn, hiệu chỉnh máy móc, trang thiết bị)	Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, khai thác sử dụng, hiệu quả, tiết kiệm	0,5		
		Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị nhưng không đầy đủ, khai thác sử dụng hiệu quả thấp	0,25		
		Không thực hiện	0		
5.2	Quản lý tài chính (Kiểm tra Dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; Sử dụng kinh phí đúng quy định hiện hành, đạt hiệu quả cao.	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng kinh phí đúng quy định nhưng hiệu quả hạn chế.	0,25		
		Kinh phí sử dụng không đúng mục đích hoặc có sai sót trong quản lý tài chính.	0		
5.3	Quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin. (Kiểm tra kế hoạch tiếp nhận, quản lý, phân phối: vật tư, thuốc, hóa chất...; kiểm tra kho, các thiết bị bảo quản, việc thực hiện các quy định về bảo quản thuốc, hóa chất, vắc xin sinh phẩm y tế theo các quy định của Bộ Y tế và các quy định hiện hành khác)	Xây dựng quy chế quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ các quy định	0,25		
		Không thực hiện	0		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
6	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị văn phòng		1		
6.1	Công tác quản lý, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của đơn vị (<i>Kiểm tra trực tiếp phòng làm việc, phòng xét nghiệm đảm bảo các quy định về an toàn sinh học của Bộ Y tế, nhà kho, khu vực dịch vụ: đảm bảo không bị thấm, dột, tường không bị bong tróc</i>)	Có kế hoạch bảo dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm; 100% các phòng không bị thấm dột, tường không bị bong tróc, Phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học	0,5		
		Có kế hoạch bảo dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm; $\geq 80\%$ - $< 100\%$ các phòng không bị thấm dột, tường không bị bong tróc, Phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học	0,25		
		Không đảm bảo các tiêu chí trên	0		
6.2	Trang thiết bị văn phòng (<i>Kiểm tra các văn bản quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị văn phòng, kiểm tra cụ thể về trang thiết bị làm việc của cán bộ, viên chức theo các quy định của pháp luật</i>)	Có quy định về sử dụng trang thiết bị văn phòng; 100% cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao	0,5		
		$\geq 90\%$ - $< 100\%$ cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao	0,25		
		Không đảm bảo các điều kiện trên	0		
7	Công tác quản lý thông tin		1		
7.1	Hệ thống quản lý thông tin nội bộ (<i>kiểm tra các văn bản, quy định liên quan và hệ thống</i>)	Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo quá trình thu thập, xử lý, truyền thông tin hiệu quả	0,5		
		Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện không đầy đủ, hiệu quả thấp	0,25		
		Không thực hiện	0		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
7.2	Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu về chuyên môn nghiệp vụ (kiểm tra các văn bản, quy định liên quan và hệ thống)	Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, được vận hành thường xuyên	0,5		
		Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, không vận hành thường xuyên	0,25		
		Không thực hiện	0		
8	Công tác vệ sinh môi trường		0,5		
	Quản lý chất thải y tế của đơn vị (kiểm tra việc triển khai các văn bản pháp lý về việc thu gom, xử lý chất thải y tế của đơn vị, các hợp đồng về thu gom, xử lý chất thải y tế "đối với các đơn vị không có hệ thống xử lý chất thải y tế" theo quy định hiện hành)	Có kế hoạch quản lý chất thải y tế của đơn vị và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành	0,5		
		Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành	0,25		
		Không thực hiện	0		
9	Công tác phòng cháy chữa cháy		1		
	Kế hoạch phòng cháy chữa cháy của đơn vị (Kiểm tra nội quy, quy định về phòng cháy chữa cháy của đơn vị; hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động phòng cháy chữa cháy theo quy định của cơ quan Công an)	Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành	1		
		Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành	0,5		
		Không thực hiện	0		
10	Hoạt động quản lý khác				
	Công tác Đảng, Đoàn, Công đoàn (kiểm tra báo cáo công tác Đảng,	Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh; Công đoàn cơ sở xuất sắc toàn diện; Đoàn thanh niên xuất sắc.	1		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
	<i>Đoàn, Công đoàn và xác nhận của cấp có thẩm quyền)</i>	Thiếu một trong ba nội dung trên	0,5		
		Không đạt các nội dung trên hoặc có cá nhân, tập thể vi phạm kỷ luật	0		
	Cộng		15		

PHẦN B: BẢNG ĐIỂM CHUYÊN MÔN (80 điểm)*Phần I: Truyền thông Giáo dục Sức khỏe (10 điểm)*

TT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Có xây dựng góc GDSK tại Trung tâm Y tế đảm bảo người dân dễ tiếp cận, phải có mục thông tin các chính sách... về y tế, có mục tuyên truyền về SK, dân số, có hộp đựng tài liệu TT cung cấp cho người dân và phải cập nhật thông tin mới thường xuyên... <i>(Xem thực tế)</i>	0,5		
2	Có phối hợp, lồng ghép với các chương trình sức khỏe trong ngành y tế: <i>(Xem kế hoạch phối hợp, báo cáo, lồng ghép thực hiện.)</i>	1,0		
	2.1. Phòng chống sốt rét.	0,1		
	2.2. Phòng chống lao.	0,1		
	2.3. Phòng chống sốt xuất huyết.	0,1		
	2.4. Tổ chức các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các sự kiện về dân số.	0,1		
	2.5. Phòng chống broun cổ.	0,1		
	2.6. Phòng chống SDD trẻ em.	0,1		
	2.7. BVSK tâm thần.	0,1		
	2.8. Đảm bảo chất lượng VSATTP.	0,1		
	2.9. Phòng chống HIV/AIDS.	0,1		
	2.10. Chương trình TCMR	0,1		
3	Phối hợp với Đài truyền thanh – truyền hình địa phương phát sóng các nội dung P/C bệnh tật, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản: <i>(Xem văn bản, Xem sổ xác nhận của Đài phát thanh, hợp đồng)</i>	1		

	+ Từ 4 nội dung/tháng trở lên	1		
	+ Dưới 4 nội dung/tháng	0,5		
4	Tổ chức các đợt chiến dịch TT-GDSK về các vấn đề sức khỏe, DS-KHHGD tại cộng đồng: (Xem kế hoạch thực hiện, báo cáo.)	2		
	+ Từ 4 đợt/năm trở lên	2		
	+ Dưới 4 đợt/năm	1,0		
5	Phối hợp với các đơn vị ngoài ngành y tế tổ chức các hoạt động TT&GDSK về DS-KHHGD/SKSS cũng như các vấn đề liên quan đến sức khỏe tại cộng đồng. (Xem văn bản, Phối hợp, kế hoạch, báo cáo thực hiện)	1,5		
	+ Có	1,5		
	+ Không có không có điểm	0		
6	Gửi tin, bài, hình ảnh (hoạt động Y tế, DS-KHHGD/SKSS về những thành tựu khoa học, kỹ thuật, gương người tốt, việc tốt...) của đơn vị về Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh.	1,5		
	+ 3 tin bài/tháng.	1,5		
	+ 2 tin bài/tháng.	1,0		
	+ 1 tin bài/tháng.	0,5		
7	Tổ chức hoạt động TT&GDSK với nhiều hình thức, về sức khỏe - Dân số - SKSS.	1,5		
	+ Từ 5 hình thức trở lên	1,5		
	+ Dưới 5 hình thức	1,0		
8	Tiếp nhận, quản lý và phân phối tài liệu (sách, báo, tranh, ảnh, tờ rơi, tờ bướm, bích chương, DVD, CD...)	1		

Phần II: Chăm sóc sức khỏe sinh sản (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm Chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm đạt
1	Mổ lấy thai và mổ triệt sản	0,5		
	<i>Có mổ lấy thai</i>	0,25		
	<i>Có mổ triệt sản</i>	0,25		
2	Triển khai chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ - EENC	0,5		
	<i>Có</i>	0,5		
	<i>Không</i>	0		
3	Thực hiện đúng quy trình vô khuẩn - <i>Quan sát(hoặc hỏi cán bộ)các bước khử nhiễm,làm sạch, khử khuẩn đối với một số dụng cụ TTB</i>	0,5		
	<i>Có</i>	0,5		
	<i>Không</i>	0		
4	Chỉ tiêu khám thai - <i>Báo cáo thực hiện chỉ tiêu</i>	1		
	<i>- Đạt trên 95%</i>	1		
	<i>- Đạt từ 85% - dưới 95%</i>	0,5		
	<i>- Đạt dưới 85%</i>	0		
5	Chỉ tiêu chăm sóc trước đẻ - <i>(Báo cáo thực hiện chỉ tiêu)</i>	0,5		
	<i>- Đạt trên 90%</i>	0,5		
	<i>- Đạt từ 80% - dưới 90%</i>	0,25		
	<i>- Đạt dưới 80%</i>	0		

6	Chỉ tiêu chăm sóc sau đẻ (Báo cáo thực hiện chỉ tiêu)	1		
	- Đạt trên 90%	1		
	- Đạt từ 80% - dưới 90%	0,5		
	- Đạt dưới 80%	0		
7	Chỉ tiêu số lượt khám phụ khoa (Báo cáo thực hiện chỉ tiêu)	1		
	- Đạt trên 95%	1		
	- Đạt từ 85% - dưới 95%	0,5		
	- Đạt dưới 85%	0		
8	Chỉ tiêu nghiệm pháp VIA (Báo cáo thực hiện chỉ tiêu)	1		
	- Đạt trên 90%	1		
	- Đạt từ 80% - dưới 90%	0,5		
	- Đạt dưới 80%	0		
9	Chỉ tiêu xét nghiệm Pap smear (Báo cáo thực hiện chỉ tiêu)	1		
	- Đạt trên 90%	1		
	- Đạt từ 80% - dưới 90%	0,5		
	- Đạt dưới 80%	0		
10	Chỉ tiêu tư vấn SKSS vị thành niên (Báo cáo thực hiện chỉ tiêu)	1		
	- Đạt trên 95%	1		
	- Đạt từ 85% - dưới 95%	0,5		
	- Đạt dưới 85%	0		

11	Tỷ lệ trẻ em < 2 tuổi SDD được cân, đo ít nhất 03 tháng/lần <i>Báo cáo chương trình phòng chống SDD hàng tháng(36 chỉ số)</i>	1		
	- Đạt trên 90%	1		
	- Đạt từ 80% - dưới 90%	0,5		
	- Đạt dưới 80%	0		
12	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng được cân đo hàng tháng <i>Báo cáo chương trình phòng chống SDD hàng tháng(36 chỉ số)</i>	0,5		
	- Đạt trên 95%	0,5		
	- Đạt từ 85% - dưới 95%	0,25		
	- Đạt dưới 85%	0		
13	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng <i>Báo cáo tổng cân đo trẻ em < 5 tuổi</i>	0,5		
	- Đạt chỉ tiêu SDD CN/T	0,25		
	- Đạt chỉ tiêu SDD CC/T	0,25		

Phần III: Phòng chống các bệnh xã hội (10 điểm)

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
	Công tác phòng chống Lao	2		
1.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Lao trên địa bàn huyện, thị	0,1		
1.2	Thực hiện đạt > 90% chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0,6		
1.3	Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các cơ sở y tế trên địa bàn huyện, thị các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phát hiện, điều trị, quản lý, theo dõi và các yếu tố liên quan gây bệnh Lao	0,1		
1.4	Thực hiện khám phát hiện bệnh lao theo chỉ tiêu giao của chương trình chống Lao quốc gia	0,1		
1.5	Điều trị khỏi 85% số bệnh nhân lao phổi AFB dương tính	0,6		
1.6	Kiểm tra, giám sát định kỳ công tác phòng chống bệnh Lao tuyến dưới theo kế hoạch	0,1		
1.7	Tiếp nhận, bảo quản, phân phối, cấp phát thuốc chống bệnh Lao theo quy định	0,1		
1.8	Phối hợp tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ làm công tác phòng chống bệnh Lao tuyến dưới	0,1		
1.9	Truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống bệnh Lao cho cộng đồng	0,1		
1.10	Thông kê báo cáo tình hình bệnh Lao trên địa bàn phụ trách theo quy định	0,1		
2	Công tác chăm sóc sức khỏe Tâm thần cộng đồng	2		
2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh trên địa bàn huyện, thị	0,1		
2.2	Thực hiện đạt > 90% chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0,6		
2.3	Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các cơ sở y tế trên địa bàn huyện, thị các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phát hiện, điều trị, quản lý, theo dõi và các yếu tố liên quan đến bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh	0,1		
2.4	Thực hiện khám phát hiện bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh theo chỉ tiêu giao của chương trình quốc gia	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
2.5	Tổ chức điều trị cho bệnh nhân Tâm thần phân liệt, Động kinh theo quy định của Bộ Y tế	0,5		
2.6	Kiểm tra, giám sát định kỳ công tác phòng chống bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh tuyến dưới theo kế hoạch	0,1		
2.7	Tiếp nhận, bảo quản, phân phối, cấp phát thuốc điều trị bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh theo quy định	0,1		
2.8	Phối hợp tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ làm công tác phòng chống bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh tuyến dưới	0,1		
2.9	Truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh cho cộng đồng	0,1		
2.10	Thống kê báo cáo tình hình bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh trên địa bàn phụ trách theo quy định	0,1		
2.11	Triển khai thực hiện và quản lý các chương trình, dự án quốc gia, quốc tế liên quan đến phòng, chống bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh (nếu có)	0,1		
3	Công tác phòng chống bệnh Da liễu	2		
3.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Phong, bệnh da, bệnh lây truyền qua đường tình dục trên địa bàn huyện, thị	0,1		
3.2	Thực hiện đạt > 90% chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0,6		
3.3	Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các cơ sở y tế trên địa bàn huyện, thị các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phát hiện, điều trị, quản lý, theo dõi và các yếu tố liên quan gây bệnh Phong	0,1		
3.4	Thực hiện loại trừ bệnh phong theo tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong cấp huyện được Bộ Y tế quy định (Quản lý người bệnh phong; Phát hiện bệnh phong mới; Chăm sóc khuyết tật cho người bệnh phong; Truyền thông giáo dục sức khỏe về bệnh phong)	0,6		
3.5	Tổ chức quản lý, điều trị bệnh Phong, bệnh da liễu trên địa bàn phụ trách	0,1		
3.6	Kiểm tra, giám sát định kỳ công tác phòng chống bệnh Phong tuyến dưới theo kế hoạch	0,1		
3.7	Tiếp nhận, bảo quản, phân phối, cấp phát thuốc chống Phong theo quy định	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
3.8	Phối hợp tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ làm công tác phòng chống bệnh Phong, bệnh da liễu cho tuyến dưới	0,1		
3.9	Thống kê báo cáo tình hình bệnh Phong, bệnh da liễu trên địa bàn phụ trách theo quy định	0,1		
3.10	Triển khai thực hiện và quản lý các chương trình, dự án quốc gia, quốc tế liên quan đến phòng, chống bệnh Phong, bệnh da liễu (nếu có)	0,1		
4	Công tác phòng chống bệnh Mắt	2		
4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống mù lòa trên địa bàn huyện, thị	0,2		
4.2	Thực hiện đạt > 90% chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0,2		
4.3	Phối hợp tổ chức mổ đục thủy tinh thể	0,2		
4.4	Tổ chức khám phát hiện điều trị các bệnh về mắt	0,2		
4.5	Kiểm tra, giám sát định kỳ công tác phòng chống mù lòa tuyến dưới theo kế hoạch	0,2		
4.6	Khám phát hiện và tư vấn về tật khúc xạ học đường	0,2		
4.7	Phối hợp tập huấn, hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc mắt ban đầu cho cán bộ y tế cơ sở	0,2		
4.8	Truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống mù lòa cho cộng đồng	0,2		
4.9	Thống kê báo cáo tình hình mù lòa trên địa bàn phụ trách theo quy định	0,2		
4.10	Triển khai thực hiện và quản lý các chương trình, dự án quốc gia, quốc tế liên quan đến phòng, chống mù lòa	0,2		
5	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	2		
	Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn			
5.1	<i>Kiểm tra: Bản kế hoạch kiểm soát BKLN được phê duyệt, đề cập đến: Phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường, COPD;</i>	0,2		
5.2	Chỉ đạo/hướng dẫn/điều phối triển khai các hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn về	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
	<i>Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo/hướng dẫn triển khai hoạt động phòng chống YTNC, Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN, Quản lý điều trị BKLN, Giám sát BKLN</i>			
	- Phòng chống yếu tố nguy cơ (dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực, hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia)	0,025		
	- Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN	0,025		
	- Quản lý điều trị BKLN	0,025		
	- Giám sát BKLN	0,025		
5.3	Giám sát việc triển khai hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn huyện, thị <i>Kiểm tra: Kế hoạch giám sát triển khai hoạt động phòng chống BKLN; Báo cáo kết quả giám sát</i>	0,2		
	Phối hợp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến xã về kiểm soát BKLN <i>Kiểm tra: Tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn kỹ thuật theo từng lĩnh vực; Kế hoạch đào tạo, tập huấn; Tài liệu đào tạo, tập huấn; Danh sách giảng viên, học viên; Báo cáo kết quả đào tạo, tập huấn</i>	0,2		
5.4	- Xây dựng/cập nhật và ban hành hướng dẫn, tài liệu về giám sát và phòng chống YTNC và BKLN.	0,05		
	-Phối hợp đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến xã về truyền thông, tư vấn phòng chống yếu tố nguy cơ	0,05		
	- Phối hợp đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến xã về phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị các BKLN	0,05		
	- Phối hợp đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến xã về giám sát tử vong và thống kê, báo cáo	0,05		
5.5	Phối hợp liên ngành với các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống BKLN <i>Kiểm tra: Có kế hoạch hoạt động/Cơ chế phối hợp liên ngành; Có báo cáo hoạt động</i>	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
5.6	Triển khai các hoạt động phòng chống yếu tố nguy cơ và BKLN	0,5		
	<p>Truyền thông vận động đối với các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể về phòng chống YTNC và BKLN</p> <p><i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông (nội dung phù hợp với các vận động chính sách); Có báo cáo hoạt động</i></p>	0,1		
	<p>Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông theo chủ đề trong phòng chống BKLN</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bệnh đái tháo đường + Tăng huyết áp + Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính <p><i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động</i></p>	0,1		
	<p>Triển khai/tham gia triển khai các mô hình nâng cao sức khoẻ tại các nơi công cộng, công sở, trường học và cộng đồng</p> <p><i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động</i></p>	0,1		
	<p>Chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật tuyến dưới thực hiện các dịch vụ về phát hiện sớm, tư vấn, quản lý điều trị BKLN tại cộng đồng</p> <p><i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động</i></p>	0,1		
	<p>Phối hợp với các khoa/phòng có liên quan của Trung tâm sàng lọc cơ hội nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu tiền bệnh, mắc BKLN trong các đợt điều tra sàng lọc</p> <p><i>Kiểm tra: Kế hoạch sàng lọc/phát hiện sớm BKLN, tiền bệnh trong các đợt khám sàng lọc do TTPCCBXH thực hiện; Báo cáo kết quả triển khai</i></p>	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
	<i>hoạt động</i>			
6.	Thống kê, báo cáo và giám sát BKLN	0,5		
	Tham gia điều tra, quản lý thông tin về yếu tố nguy cơ của BKLN trên địa bàn <i>Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo phối hợp điều tra; Có kế hoạch điều tra; Có cơ sở dữ liệu</i>	0,1		
	Thu thập, quản lý số liệu tử vong trên địa bàn <i>Kiểm tra: Báo cáo số liệu và phân tích nguyên nhân tử vong (theo ICD 10) của toàn huyện; Bảng theo dõi việc gửi (cho tuyến tỉnh) và nhận báo cáo tử vong (từ tuyến xã) được cập nhật; Cơ sở dữ liệu tử vong được cập nhật định kỳ</i>	0,1		
	Thu thập, quản lý số liệu về tình hình mắc các BKLN trên địa bàn <i>Kiểm tra: Có biểu mẫu thu thập thông tin; Có hồ sơ quản lý được cập nhật; Có báo cáo lưu số liệu</i>	0,1		
	Thu thập, quản lý số liệu về khả năng đáp ứng với phòng, chống BKLN của các đơn vị trên địa bàn <i>Kiểm tra: Có bản tổng hợp đánh giá năng lực đáp ứng với phòng, chống BKLN của các đơn vị trong tỉnh</i>	0,1		
	Phân tích và báo cáo tổng hợp về thực trạng YTNC và BKLN trên địa bàn <i>Kiểm tra: Có đầy đủ các báo cáo</i>	0,1		
7.	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về kiểm soát BKLN của địa phương <i>Kiểm tra: Báo cáo mục tiêu, chỉ tiêu so với kế hoạch</i>	0,1		
	Tổng điểm	10		

Phần IV: Phòng chống sốt rét (05 điểm)

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TRỪ	ĐIỂM ĐẠT
I	Tham mưu, thực hiện sự chỉ đạo của UBND Huyện/Thị	1		
1	UBND Huyện/thị có tổ chức chỉ đạo PCSR thể hiện qua Ban chỉ đạo PCSR, các văn bản chỉ đạo cho các chiến dịch PCSR trong năm ❖ Xem văn bản, hợp đồng trách nhiệm PCSR	0,5		
2	TTYT huyện/thị tham mưu cùng UBND Huyện/Thị tổ chức triển khai hội nghị tổng kết công tác PCSR năm trước – triển khai hoạt động năm nay ❖ Xem biên bản lưu	0,5		
II	Chỉ tiêu kế hoạch * Hoàn thành chỉ tiêu chuyên môn: 100% 90% - < 100% 80% - < 90% 70% - < 80% Dưới 70% <i>So sánh chỉ tiêu Sở giao năm liền kề</i>	1,5 1,5 1 0,5 0,25 0		
III	Thống kê báo cáo * Hoàn thành số liệu thống kê báo cáo theo mẫu đúng thời gian quy định, gửi lên cấp trên báo cáo tháng/quý /6 tháng/năm và chất lượng báo cáo đầy đủ. ❖ Nếu thiếu 1 báo cáo tháng ❖ Nếu thiếu 1 báo cáo quý ❖ Nếu thiếu 1 báo cáo năm	1	0,5 0,5 1	
IV	Chỉ đạo của TTYT về công tác PCSR	1,5		
1	TTYT có phân công người chuyên trách về công tác phòng chống sốt rét, có tổ chức bồi dưỡng chuyên môn về PCSR... ❖ Xem QĐ, biên bản lưu...	0,25		

2	<p>TTYT có kế hoạch PCSR hàng tháng, quý, năm tổ chức thực hiện đạt mục tiêu, chỉ tiêu</p> <p>❖ <i>Xem KH, biên bản thực hiện...</i></p>	0,25		
3	<p>Chỉ đạo tốt việc sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư, không để xảy ra thuốc quá hạn dùng.</p> <p>❖ <i>Kiểm tra thuốc tồn tại kho, văn bản hướng dẫn cho các đơn vị trong địa bàn huyện/thị.</i></p>	0,25		
4	<p>Triển khai tốt công tác tuyên truyền PCSR trong 02 đợt chiến dịch và ngày thế giới PCSR 25/4 hàng năm.</p> <p>❖ <i>Xem báo cáo lưu...</i></p>	0,25		
5	<p>Có phác đồ điều trị SR theo quy định của Bộ Y tế, chỉ đạo công tác chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét thực hiện đúng Quyết định số: 4845/QĐ-BYT, ngày 08/9/2016 (thay thế QĐ số: 3232/QĐ-BYT, ngày 30/8/2013), Có biểu, bản đồ theo dõi tình hình BNSR, KSTSR, dự báo dịch sớm....</p> <p>❖ <i>Kiểm tra thực tế tại đơn vị, văn bản, hướng dẫn, sổ sách ghi chép...</i></p>	0,25		
6	<p>Có báo cáo thanh toán quyết toán kinh phí, thuốc, vật tư, hóa chất PCSR hàng quý, năm đúng theo quy định luật hiện hành. Sổ sách, cấp phát rõ ràng, chính xác, kịp thời.</p> <p>❖ <i>Xem báo cáo quyết toán lưu</i></p>	0,25		
Tổng điểm		5		

Phần V. Phòng chống bệnh lây nhiễm (05 điểm)

TT	Nội dung	Điểm Chuẩn	Điểm Tự chấm	Điểm đạt
1	Thực hiện giám sát thường xuyên (<i>giám sát véc tơ, giám sát ca bệnh...</i>) và quản lý chặt chẽ diễn biến tình hình các bệnh truyền nhiễm gây dịch; tổ chức triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh. (<i>Báo cáo giám sát véc tơ, danh sách giám sát ca bệnh TN tuần, tháng, KH tổ chức phòng, chống dịch</i>)	1.0		
2	Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh hàng năm, quý, tháng của địa phương. - <i>Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh hàng năm</i> - <i>Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh đột xuất (nếu địa phương có dịch)</i>	1.0 0,5 0,5		
3	Quản lý chặt chẽ các ổ dịch cũ (<i>dịch SXH, tay chân miệng, cúm A(H5N1)...</i>), phát hiện kịp thời ổ dịch mới; tiến hành các biện pháp chuyên môn, kỹ thuật để ngăn chặn dịch phát sinh, lây lan. - <i>Có sổ (báo cáo), bản đồ theo dõi ổ dịch cũ và mới</i> - <i>Phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch theo quy định (biên bản, kết quả xử lý dịch)</i>	1.0 0,5 0,5		
4	Lập dự trù hàng năm về nhu cầu kinh phí, thuốc, hoá chất phục vụ cho công tác phòng chống dịch.	0,5		
5	Tổng hợp số liệu, lập bản đồ, biểu đồ các loại dịch bệnh tại địa phương.	0,5		
6	Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia (<i>TCMR, SXH, nước sạch & VSMT</i>), các dự án liên quan về y tế dự phòng trên địa bàn, các chỉ tiêu thực hiện đạt: - <i>Trên 80%</i> - <i>Từ 50-79%</i> - <i>Dưới 50%</i>	0,5 0,5 0.25 0.0		
7	Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tuần, tháng, quý, năm theo quy định (<i>TT 54/BYT-2015</i>).	0,5		

	- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo BTN, đủ báo cáo (BC lưu)	0,5		
	- Thực hiện chưa nghiêm túc, thiếu báo cáo theo quy định (BC lưu)	0,25		
	TỔNG CỘNG	5		

Phần VI. Y tế công cộng (5 điểm)

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm KT	Ghi chú
I	Y tế công cộng	5		
1	Hướng dẫn vận động nhân dân xây dựng và sửa chữa các công trình vệ sinh như nhà tiêu, giếng nước, nhà tắm, chuồng gia súc theo các yêu cầu kỹ thuật; nắm được số lượng, chất lượng các loại công trình.	1		
2	Có và thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra chất lượng nước uống, nước sinh hoạt. Lấy mẫu gửi tuyến trên hoặc tự làm xét nghiệm đánh giá.	0,5		
3	Có hướng dẫn các đơn vị ở địa phương xã, cơ quan, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn huyện xử lý phân, nước, rác theo hướng dẫn kỹ thuật của tuyến trên.	0,5		
4	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.	0,5		
5	Hướng dẫn kiểm tra đôn đốc thực hiện các quy định về vệ sinh và an toàn lao động trong các cơ sở y tế.	0,5		
6	Hướng dẫn nhân dân bảo quản, sử dụng và phòng chống nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật.	0,5		
7	Phối hợp với các ngành chức năng tại địa phương kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước về bảo vệ sức khỏe người lao động.	0,5		
8	Thực hiện nghiêm túc báo cáo, thống kê đúng quy định.	0,5		
9	Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu y tế quốc gia, các dự án về sức khỏe môi trường, lao động, trường học, phòng chống tai nạn thương tích và phòng, chống bệnh nghề nghiệp trên địa bàn.	0,5		
	TỔNG CỘNG	5		

Phần VII. Xét nghiệm (5 điểm)

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm KT	Ghi chú
1	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản phục vụ cho công tác chuyên môn của trung tâm và y tế tuyến xã.	1		
2	Lấy mẫu và bảo quản mẫu xét nghiệm gửi tuyến trên theo quy định.	1		
3	Xét nghiệm trực tiếp trứng giun, sán, ly, amip, ký sinh trùng sốt rét, các xét nghiệm Iod và các xét nghiệm khác đã được tuyến trên quy định.	1		
4	Nuôi cấy sơ bộ vi khuẩn để xác định nguồn tác nhân gây bệnh trong công tác phòng chống dịch, công tác kiểm tra vệ sinh theo quy định của tuyến trên bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và kết quả xét nghiệm.	1		
5	Phối hợp với các khoa cận lâm sàng của các bệnh viện trên địa bàn huyện để triển khai các xét nghiệm phục vụ kịp thời công tác chuyên môn.	1		
	TỔNG CỘNG	5		

Phần VIII: Phòng chống HIV/AIDS (10 điểm)

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	<p>Công tác nhân sự:</p> <p>1.1. TTYT huyện/thị xã: có cán bộ chuyên trách</p> <p>1.2. 100% xã, phường có cán bộ chuyên trách (xem quyết định, nếu thiếu 1 xã trừ 0,1 điểm/xã, phường)</p>	1 0,5 0,5		
2	<p>Công tác xây dựng kế hoạch:</p> <p>2.1: có xây dựng kế hoạch cả năm về phòng chống HIV/AIDS</p> <p>2.2: có xây dựng kế hoạch tháng lây truyền mẹ con</p> <p>2.3: có xây dựng kế hoạch tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS</p> <p>(các kế hoạch này phải được sự phê duyệt của lãnh đạo, nếu không có chấm 0 điểm)</p>	1 0,5 0,25 0,25		
3	<p>Công tác truyền thông:</p> <p>3.1: tổ chức triển khai tháng lây truyền mẹ con và tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS (nếu thiếu 01 chiến dịch trừ 0,25 điểm)</p> <p>3.2: có tổ chức phối hợp với đài, báo địa phương trong công tác truyền thông (xem hợp đồng; nếu không có chấm 0 điểm)</p> <p>3.3: có tổ chức các hình thức truyền thông khác: tọa đàm, nói chuyện, cuộc thi ... (nếu không làm 0 điểm)</p>	1 0,5 0,3 0,2		
4	<p>Công tác tư vấn, xét nghiệm HIV tự nguyện:</p> <p>Có tổ chức tư vấn xét nghiệm tự nguyện (xem phiếu và sổ xét nghiệm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trung bình 20 bệnh nhân/ tháng - Từ 10 đến < 20 bệnh nhân/ tháng - Từ 1 đến < 10 bệnh nhân / tháng 	1 1 0,5 0,1		

5	Chương trình can thiệp giảm tác hại:	1		
	5.1: chủ động huy động nguồn lực triển khai 02 chương trình Bơm kim tiêm và Bao cao su (mỗi chương trình tính 0,5 điểm; không làm 0 điểm)	1		
	5.2: có triển khai bằng nguồn tiếp thị, mỗi chương trình: BKT, BCS (mỗi chương trình 0,25 điểm)	0,5		
	5.3: không thực hiện	0		
6	Quản lý bệnh nhân HIV/AIDS:	1		
	- Quản lý từ 50% số bệnh nhân theo danh sách	1		
	- Quản lý > 30% – < 50%	0,7		
	- Quản lý 10% - < 30%	0,3		
	- Quản lý < 10%	0		
7	Chương trình dự phòng lây truyền mẹ con:	1		
	Tỷ lệ mẹ mang thai được tư vấn về HIV/AIDS ít nhất 01 lần/ thai kỳ đạt:	1		
	- Từ 90% trở lên	0,7		
	- < 90% - >= 70%	0,5		
	- >= 50% - 70%	0,3		
	- < 50% - > 10%	0		
	- < 10%			
	(Lưu ý: xem sổ tư vấn)			
8	Công tác điều trị (điểm thưởng không tính điểm chuẩn)	Thưởng		
	- Đơn vị có triển khai công tác điều trị cả BN AIDS và LTMC	0,5		
	- Có triển khai DP LTMC (xem văn bản nếu có)	0,2		
9	Công tác kiểm tra giám sát tuyến dưới:	1		
	9.1: Mỗi 03 tháng/ lần đạt > 30% số xã/phường	1		
	9.2: Mỗi 06 tháng/ lần đạt > 30% số xã/phường	0,5		
	9.3: Mỗi năm/ lần đạt > 30% số xã/phường	0,2		
	(nếu thời gian cũng như vậy đạt < 30% số xã, phường chỉ tính ½ số điểm trên. Nếu không đạt như vậy mà có			

	tổ chức thi cho 0,1 điểm.) 9.4: nếu không kiểm tra, giám sát (tất cả kiểm tra trên biên bản)	0		
10	Công tác thông kê, báo cáo: 10.1: đầy đủ báo cáo Quý, 06 tháng, 09 tháng (nếu thiếu 1 loại báo cáo -0,2 điểm/báo cáo) 10.2: Báo cáo đầy đủ tháng LTMC và tháng truyền thông (thiếu 1 loại báo cáo -0,2 điểm/báo cáo)	1 0,6 0,4		
11	Có sự đầu tư kinh phí từ nguồn của địa phương và huy động từ các nguồn khác (ngoài kinh phí từ Trung ương, tỉnh, Dự án, ...) cho hoạt động PC HIV/AIDS: - Có đầu tư - Không có đầu tư	1 1 0		
	Tổng cộng điểm chuẩn	10 điểm		

Phân IX: An toàn vệ sinh thực phẩm (10 điểm)

ST T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
I	Ban chỉ đạo liên ngành	1		
1	Ban chỉ đạo liên ngành: - Có QĐ thành lập BCD liên ngành ATVSTP. - Có Quy chế làm việc BCD. - Có phân công chức năng, nhiệm vụ của thành viên BCD	0.5		
2	- Hợp Ban CD liên ngành. - Có biên bản (hoặc sổ họp).	0.5		
I	Triển khai tháng hành động	1		
1	Tổ chức Lễ phát động THĐ của huyện/thị	1		
II	Công tác tổ chức, quản lý	1.5		
1	Có kế hoạch cả năm được phê duyệt	0.5		
2	Có sổ thống kê cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm Cập nhật đầy đủ các thông tin về cơ sở Phân loại điều kiện VSATTP các cơ sở	0.5		
3	Tổ chức, quản lý cấp giấy chứng nhận ĐDK ATTP theo đúng thẩm quyền, đúng quy trình	0.5		
III	Công tác thông tin, giáo dục và truyền thông	1		
1	Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hoạt động thường xuyên, hệ thống loa đài của xã, pano, áp phích ...	0.5		
2	Có lưu các bài viết, nội dung các bài tuyên truyền			
IV	Công tác tập huấn, đào tạo	1		
1	Tổ chức tốt các lớp tập huấn, nói chuyện chuyên đề	0.5		
2	Cử cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ về (chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý, chính trị)	0.5		
V	Công tác chỉ đạo tuyến dưới	0.5		
1	Phân công cán bộ theo dõi tuyến Triển khai kịp thời công tác bảo đảm ATVSTP các tuyến	0.5		
VI	Công tác phối hợp liên ngành	0.5		
1	Có kế hoạch phối hợp liên ngành do BCD ban hành Có báo cáo kết quả cụ thể, đầy đủ của trưởng ban ngành cho BCD	0.5		

VII	Công tác thanh tra, kiểm tra	1		
1	Có triển khai thanh tra liên ngành	0.5		
	Có triển khai thanh kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch			
	Có lập, lưu đầy đủ các biên bản xử lý			
2	Có biện pháp xử lý nghiêm các hành vi cố tình vi phạm: - Cảnh cáo trên loa, đài hoặc các phương tiện thông tin đại chúng. - Phạt tiền. - Hủy sản phẩm	0.5		
VII I	Công tác xét nghiệm	0.5		
1	Thực hiện được các XN cơ bản ATVSTP	0.5		
	50% tuyến xã, phường làm được XN nhanh			
IX	Công tác xử lý, điều tra, thống kê và báo cáo NĐTP	0.5		
1	Có biện pháp xử trí kịp thời khi có NĐTP xảy ra	0.5		
	Điều tra NĐTP theo đúng quy trình			
	Số theo dõi, thống kê đầy đủ			
X	Công tác sử dụng nguồn kinh phí	0.5		
	Sử dụng kinh phí đúng theo kế hoạch	0.5		
XI	Công tác báo cáo sơ kết, tổng kết và tổ chức họp	1		
1	Báo cáo kịp thời đúng theo quy định	0.5		
2	Tổ chức giao ban hàng quý, 6 tháng, 1 năm	0.5		
Tổng điểm		10		

PHẦN X. Dân số kế hoạch hóa gia đình (10 điểm)

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Điểm Chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
A	TỔ CHỨC - QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH	04		
1	Công tác tổ chức (Xem thực tế và văn bản liên quan)	0,5		
	Có bố trí con người và cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ Dân số-SKSS-TTGDSK theo đúng quy định - Xem bảng phân công nhiệm vụ (hoặc quyết			

	<i>định)</i>			
	Có phân công chức danh, trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng	0,25		
2	Công tác kế hoạch	0,5		
	Đầu năm có xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, rõ ràng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - <i>Kiểm tra công văn đi (kế hoạch)</i>	0,25		
	- Có triển khai thực hiện đầy đủ các hoạt động trong kế hoạch đã được phê duyệt. - <i>Xem công văn đi (báo cáo)</i>	0,25		
	- Có triển khai thực hiện nhưng không đầy đủ.	0,1		
	- Không triển khai	0		
3	Công tác kiểm tra giám sát	0,5		
	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể, rõ ràng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - <i>Kiểm tra công văn đi (kế hoạch)</i>	0,25		
	Triển khai đầy đủ các hoạt động theo đúng nội dung trong kế hoạch. - <i>Xem công văn đi (báo cáo)</i>	0,25		
	Triển khai không đầy đủ các hoạt động theo đúng nội dung trong kế hoạch.	0,1		
	Không triển khai	0		
4	Công tác thống kê, báo cáo	0,5		
	- Thực hiện thống kê, báo cáo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định. (<i>Xem công văn đi và các biểu mẫu báo cáo</i>)	0,5		
	- Thực hiện thống kê, báo cáo đầy đủ nhưng không kịp thời. (<i>Xem công văn đi và các biểu mẫu báo cáo</i>)	0,25		
	- Không thực hiện	0		

5	Công tác đào tạo, tập huấn	1,5		
	Cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo do cấp trên tổ chức. (Danh sách đăng ký hoặc công văn đăng ký)	1		
	Tham gia không đầy đủ	0,5		
	Không tham gia	0		
	Có tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tại địa phương. Xem công văn đi (kế hoạch)	0,5		
6	Công tác tài chính	0,5		
	Có bổ sung nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ	0,5		
	Không có bổ sung nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ	0		
B	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	06		
	* Mức giảm sinh:	0,5		
	- Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch; (Xem báo cáo tổng kết năm)	0,5		
1	- Đạt dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch; (Xem báo cáo tổng kết năm)	0,25		
	- Tăng so với năm trước. (Xem báo cáo tổng kết năm)	0		
	* Tỷ lệ sàng lọc trước sinh:	0,5		
	- Đạt từ 100% chỉ tiêu kế hoạch trở lên;	0,5		
2	- Đạt từ 90% - dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch.	0,25		
	- Đạt từ 60- dưới 90%;	0,1		
	- Đạt dưới 60%.	0		

3	* Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh:	0,5		
	- Đạt từ 90% - 100% chỉ tiêu kế hoạch.	0,5		
	- Đạt từ 80% - dưới 90%;	0,25		
	- Đạt từ 60% - dưới 80%;	0,1		
	- Đạt dưới 60%.	0		
4	* Tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên	0,5		
	- Tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên giảm so với năm trước.	0,5		
	- Tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên tăng so với năm trước.	0		
5	* Tổng số người mới áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại:	0,5		
	- Đạt từ 100% chỉ tiêu kế hoạch trở lên;	0,5		
	- Đạt từ 90% - dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch.	0,25		
	- Đạt từ 60- dưới 90%;	0,1		
	- Đạt dưới 60%.	0		
6	* Triệt sản mới:	0,5		
	- Đạt từ 90% -100% chỉ tiêu kế hoạch	0,5		
	- Đạt từ 60% - dưới 90%;	0,25		
	- Đạt dưới 60%.	0		
7	* Đặt vòng tránh thai mới:	0,5		
	- Đạt từ 100% chỉ tiêu kế hoạch trở lên;	0,5		
	- Đạt từ 90% - dưới 100%;	0,25		
	- Đạt từ 60% - dưới 90%;	0,1		

	- Đạt dưới 60%.	0		
8	* Cây thuốc tránh thai mới:	0,5		
	- Đạt từ 100% chỉ tiêu kế hoạch trở lên;	0,5		
	- Đạt từ 90% - dưới 100%;	0,25		
	- Đạt từ 60% - dưới 90%;	0,1		
	- Đạt dưới 60%.	0		
9	* Tiêm thuốc tránh thai:	0,5		
	- Đạt từ 100% chỉ tiêu kế hoạch trở lên;	0,5		
	- Đạt từ 90% - dưới 100%;	0,25		
	- Đạt từ 60% - dưới 90%;	0,1		
	- Đạt dưới 60%.	0		
10	- Công tác quản lý, bảo quản và cung ứng tốt PTTT miễn phí. (Số sách, báo cáo quyết toán PTTT miễn phí hàng quý)	0,5		
	- Công tác quản lý, bảo quản và cung ứng PTTT miễn phí chưa tốt. (Số sách, báo cáo quyết toán PTTT miễn phí hàng quý)	0		
11	- Thực hiện tốt việc thu thập, cập nhật thông tin biến động vào kho dữ liệu dân cư, phần mềm báo cáo thông kê skss. (Xem các phiếu thu tin và đối chiếu phần mềm MIS)	0,5		
	- Việc thu thập, cập nhật thông tin biến động vào kho dữ liệu dân cư, phần mềm báo cáo thông kê skss không kịp thời, không đầy đủ.	0		
12	- Thực hiện tốt công tác tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai theo hướng dẫn của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh.	0,5		

	<i>(Kiểm tra sổ sách theo dõi TTXH (kế hoạch, bảng phân bổ ...)</i>			
	- Không thực hiện TTXH các PTTT.	0		

PHẦN D: CHẤM ĐIỂM Y TẾ XÃ (05 điểm)

Cơ cấu điểm như sau : Căn cứ kết quả kiểm tra Y tế xã năm 2018 (nếu đơn vị nào chưa hoàn thành việc kiểm tra Y tế xã năm 2018 tại thời điểm kiểm tra thì lấy kết quả kiểm tra Y tế xã năm 2017).

Tổng điểm trung bình = Tổng điểm kiểm tra Y tế xã/ Tổng số xã được kiểm tra.

	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
	Tổng điểm trung bình của bảng điểm chuẩn Quốc gia về Y tế xã	Điểm y tế xã		
	95 – 100	5		
	90 – 94,5	4		
	85 – 89,5	3		
	80 – 84,5	2		
	Dưới 80	1		